

Bản số: 63/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 29/9/2017

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Phụng

2. Ông Phạm Đức Long

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại hội trường, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 783/2016/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2017/QĐST - HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị C, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu D, thị trấn R, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1981.

Nơi ĐKKHKT: Tổ K, phường Q, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

(vắng mặt lần hai không lý do)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị C trình bày: chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố TH. Hai bên gia đình đồng ý có tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Cuộc sống chung của hai vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài. Hai vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Thu H, sinh ngày 16/01/2007. Mâu thuẫn của hai vợ chồng phát sinh là do anh M nghiện ma túy, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống đặc biệt là về xây dựng kinh tế chung. Chị đã đưa anh M về chung sống bên gia đình nhà ngoại để cai nghiện ma túy. Tuy

nhiên anh M chỉ cai được mấy hôm, sau lại tái nghiện lại. Anh M không quan tâm cùng chị C lo lắng cho công việc kinh doanh của gia đình, thường xuyên chửi bới, đe dọa sẽ phá hoại công việc kinh doanh của gia đình chị C. Năm 2011 anh M về sống với bố mẹ đẻ ở Thái Nguyên để tiện cho việc uống thuốc Methazon để cai nghiện, còn chị vẫn ở trên Bắc Kạn làm ăn. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Khi ly hôn, chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thu H, sinh ngày 16/01/2007. Tuy nhiên cháu H có nguyện vọng được ở với bố nên chị tôn trọng quyết định của con, đồng ý để anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa chị không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung.

Về án phí: Chị C nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải phía bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị C kết hôn năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên. Hai bên đều tự nguyện kết hôn, cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc. Chị C có quan hệ với người đàn ông khác anh đã tha thứ cho một lần nhưng chị C lại tiếp tục có quan hệ với người khác. Nay chị C lại làm đơn đề nghị ly hôn anh cũng nhất trí vì anh xác định cũng không còn tình cảm với chị C nữa.

Về con chung: Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thu H và có yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh M xác định tài sản chung gồm hai quầy hàng quần áo, 02 chiếc xe ô tô một chiếc là INOVA trị giá 250.000.000 đồng, một chiếc là KIA –K3 trị giá 800.000.000 đồng, 200.000.000 đồng tiền mặt. Nợ chung gồm có khoản nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Kạn là 400.000.000 đồng. Anh có nguyện vọng được hưởng một nửa giá trị tài sản và chịu trách nhiệm với một nửa số nợ.

Tòa án đã tiến hành triệu tập để hòa giải nhiều lần tuy nhiên anh M không có mặt nên các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, do vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh M nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh M.

Về nội dung: Chị Đặng Thị C và anh Nguyễn Văn M kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố TH, trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật công nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M nghiện ma túy, không chí thú làm ăn, xây dựng cuộc sống gia đình. Từ năm 2011 đến nay mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị C và anh M đều xác định không còn tình cảm với nhau nữa, nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C cho chị C được ly hôn với anh M là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Chị C và anh M đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thu H, sinh ngày 16/01/2007 là chính đáng.

Hội đồng xét xử thấy, hiện tại cháu H đang chung sống cùng với anh M và cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Chị C cũng tôn trọng quyết định của con. Tại phiên tòa, chị C đồng ý để anh M trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy sự thỏa thuận của chị C và anh M về việc nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật. Hơn nữa cháu H đang sống cùng anh M, ổn định về việc học tập nên không cần xáo trộn cuộc sống của con trẻ. Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là Nguyễn Thu H cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị C đi lại chăm sóc con chung là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật tại các điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

“ 1. Sau khi ly hôn, vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh M có yêu cầu chị C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa chị C nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M mức 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Xét thấy sự thỏa thuận trên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh M có yêu cầu giải quyết về phần tài sản nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập các đương sự nhiều lần để làm rõ về yêu cầu chia tài sản chung nhưng anh M không có mặt. Tòa án đã tổng đạt thông báo về

việc đương sự yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng cho anh M. Tuy nhiên anh M không đến Tòa án để cung cấp các chứng cứ và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Tại phiên tòa anh M vắng mặt nên Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu của anh M. Tại công văn số 37 – CV/CNBK, ngày 09/3/2017 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Cạn đã thể hiện quan điểm của Ngân hàng đề nghị phân định rõ trách nhiệm/nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay của chị C và anh M, xem xét giải quyết vụ án ly hôn đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng. Như vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam Chi nhánh Bắc Cạn không có ý kiến tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Còn chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết phân tài sản chung và nợ chung. Để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, Tòa án không xem xét giải quyết phân tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này một trong hai bên có yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn sẽ xem xét giải quyết trong vụ án khác.

Về án phí: Chị C phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: các Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị C, cho chị Đặng Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thu H, sinh ngày 16/01/2007 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị C được quyền đi lại thăm nom con chung.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng), kể từ ngày tuyên án đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này một trong hai bên đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Án phí: Chị C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang theo biên lai thu số 0004640 ngày 06/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên và 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Chị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Đương sự;
- UBND phường Quang Trung;
- UBND TT Chợ Rã, Ba Bể, Bắc Kạn;
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hà

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 29 tháng 9 năm 2017.

Tại: Phòng nghị án Hội trường xét xử số 01 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Phụng- Ông Phạm Đức Long

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 783/2016/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp ly hôn giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị C, sinh năm: 1985.

Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu 4, thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1981.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 9, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Về Điều luật áp dụng: Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: các Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án,

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị C, cho chị Đặng Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Về con chung: Chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị C được quyền đi lại thăm nom con chung.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này một trong hai bên đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Án phí: Chị C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang theo biên lai thu số 0004640 ngày 06/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên và 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 29 tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và nhất trí ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Phụng- Phạm Đức Long

Nguyễn Thị Thu Hà

